

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2024/DSST
Ngày: 15-7-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự về mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Châm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Lê Thanh Bình;**

Ông **Lê Văn Bài.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Thạch Thị Minh Châu**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 328/2024/TLST-DS, ngày 12-3-2024; về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2024/QĐXXST-DS, ngày 10-6-2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2024/QĐST-DS ngày 24-6-2024 giữa:

Nguyên đơn: Công ty TNHH A

Trụ sở chính: 101 Phan Đ P, phường T A, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ.

Người đại diện cho công ty TNHH A: Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1997; Địa chỉ: 93 Nguyễn V T, phường Đ K, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt);

Bị đơn: Anh K Đ, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp G T, xã T N, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29-02-2024, trong quá trình giải quyết đại diện nguyên đơn trình bày:

Vụ Đông Xuân năm 2016-2017, nhằm thực hiện chương trình cánh đồng mơ ước, công ty TNHH A cùng với ông K Đ đã có hợp tác cung ứng vật tư nông nghiệp. Cụ thể công ty đầu tư vật tư nông nghiệp cho ông K Đ số lượng vật tư phân bổ tùy từng thời điểm. Đến cuối vụ sản xuất ông Đ sẽ có trách nhiệm trả lại tiền vật tư nông nghiệp cho công ty A.

Quá trình hợp tác, công ty đã cung cấp đầy đủ vật tư nông nghiệp theo yêu cầu của ông K Đ để đáp ứng kịp nhu cầu sản xuất, sau nhiều năm mua bán đến ngày 31/3/2017 hai bên có đối chiếu công nợ thông qua sổ chi tiết đơn vị

mua để xác nhận số tiền vật tư nông nghiệp ông K Đ phải trả cho công ty bằng 276.747.862 đồng, nhưng ông Đ không trả đầy đủ số tiền đã nợ với công ty mà ông Đ chỉ trả cho công ty số tiền bằng 94.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 182.747.862 đồng, mặc dù công ty đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở yêu cầu ông Đ trả số tiền còn lại nhưng ông Đ không trả.

Đại diện công ty A yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần buộc ông K Đ phải có trách nhiệm trả cho công ty A số tiền còn nợ bằng 182.747.862 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các thủ tục như Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông K Đ không đến Tòa án tham gia tố tụng và Tòa án cũng không tiến hành lấy lời khai của ông K Đ được nên không thể xác định được những tình tiết nào của vụ án mà các bên đã thống nhất và không thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ: Giấy chứng đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên (bản photo); sổ chi tiết đơn vị mua (bản chính); Giấy ủy quyền; Bị đơn không có cung cấp chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán”; Bị đơn cư trú tại huyện Tiểu Cần theo quy định tại Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần; Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Đại diện công ty có đơn xin vắng mặt Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

Ông K Đ vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung vụ án:* Công ty A yêu cầu ông K Đ có trách nhiệm trả tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ bằng 182.747.862 đồng, không yêu cầu tính lãi.

[3]. Đối với ông K Đ mặc dù không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện với công ty A, quá trình giải quyết Tòa án có sao gửi các chứng cứ mà công ty A nộp khởi kiện gồm: Đơn khởi kiện, sổ chi tiết đơn vị mua tính đến ngày 31/3/2017 số tiền nợ cuối kỳ bằng 276.747.862 đồng để ông Đ có ý kiến hoặc phản bác về nội dung mà Công ty nộp khởi kiện. Do ông Đ không có ý kiến phản bác về nội dung khởi kiện với công ty, Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

[4] Xét thấy, sau nhiều lần mua bán đến ngày 31/3/2017 giữa công ty A với ông K Đ có đối chiếu công nợ, số tiền ông K Đ phải trả cho công ty bằng

276.747.673 đồng, công ty thừa nhận ông K Đ có trả trước cho công ty bằng 94.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 182.747.862 đồng, do ông K Đ không thực hiện tiếp là vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho công ty, việc vi phạm này ít nhiều cũng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công ty, Hội đồng xét xử buộc ông K Đ có trách nhiệm trả tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ cho công ty là có căn cứ, do công ty không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bị đơn ông K Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn Công ty TNHH A không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26 khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 91, 92, 147, 228, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, 430, 440, 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty A.

2. Buộc ông K Đ có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH A tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ bằng 182.747.862 đồng; Công ty TNHH A không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn ông K Đ phải chịu 9.137.393 đồng án phí dân sự.

Công ty TNHH A không phải chịu án phí. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.568.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000470 ngày 12-3-2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần trả lại cho công ty TNHH A.

4. **Về quyền kháng cáo:** Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mỹ Châm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Bình –Lê Văn Bài

Dương Thị Mỹ Châm